

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HÒA BÌNH**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2020/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại khối lượng, hạng mục, công trình thuộc dự án của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 218/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định về chính sách đặc thù, tín dụng, thúc đẩy tập trung đất đai tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 62/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 4 năm 2020; Công văn số 1644/SKHĐT-KTN ngày 24 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức hỗ trợ từng loại đối với từng loại khối lượng, hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, như sau:

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000đ)	Ghi chú
1	Hệ thống điện			
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây....)	100KVA	100.000	
b	Hệ thống điện ngoài hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây....)	100KVA	110.000	
2	Hệ thống đường giao thông			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	1 m ²	1.000	Đường bê tông xi măng, bê tông Asphalt gồm cả hệ thống thoát nước, chống sạt lở
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15 cm)	1 m ²	1.100	
3	Nhà xưởng phục vụ sản xuất			
a	Nhà xưởng, nhà kho cao từ 5m trở lên	1 m ²	1.000	Nhà xưởng kiên cố, cấp 4 trở lên
b	Nhà xưởng, nhà kho, cao dưới 5 m	1 m ²	700	
c	Nhà nuôi cấy mô, nhà lưới phục vụ gieo ươm		280	
-	Đường nội đồng (mặt đường BTXM)	1 m ²	200	
-	Nhà kính, nhà lưới	1 m ²	50	
-	Tưới phun nhỏ giọt	1 m ²	30	
d	Kho bảo quản lâm, thủy sản và dược liệu	1.000 đ/m ² sàn		
	Kho lạnh kết cấu gạch và bê tông sức chứa 100 tấn		5.481	Chi phí xây dựng nhà kho gồm các hạng mục công trình phục vụ như: nhà kho, nhà vệ sinh, phòng thay quần áo, sân bốc dỡ hàng hóa.
	Kho lạnh kết cấu gạch và bê tông sức chứa 300 tấn		6.888	
4	Nước sạch			
a	Bể chứa nước sạch sau xử lý	1 m ³	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
b	Đường ống dẫn nước tới khu dân cư (có đường kính tối thiểu 30mm)	1m	100	Vật liệu nhựa, kim loại
c	Máy bơm	1m ³ /giờ	500	
5	Xử lý chất thải			
a	Bể lắng, bể sục khí	1m ³	2.000	Vật liệu bê tông,

				xây gạch
b	Hồ chứa nước	1m ³	50	Có lát tấm bê tông xung quanh
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	1 m	100	Vật liệu nhựa, kim loại, bê tông
d	Máy bơm	1m ³ /giờ	1.000	
6	Thiết bị			
a	Nhập từ các nước phát triển	1 tấn	100.000	
b	Nhập từ nước khác	1 tấn	65.000	
c	Sản xuất tại Việt Nam	1 tấn	70.000	
7	Dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên	1 ha	200.000	Diện tích tăng lên thì mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án
8	Xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động			
	Nhà cấp IV	1 m ²	1.000	Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có 100 lao động trở lên làm việc thường xuyên tại nhà máy.
	Nhà 2 tầng trở lên (bê tông cốt thép)	1 m ²	2.000	
9	Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt			
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị	Dự án	5.000.000	
-	Nhập khẩu bò giống cao sản có chứng minh nguồn gốc	con	10.000	

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức

1. Định mức hỗ trợ theo quy định này là định mức tối đa, trường hợp doanh nghiệp đầu tư các hạng mục, công trình có tiêu chuẩn hoặc giá trị thấp hơn quy định này thì áp dụng theo tiêu chuẩn và giá trị thực tế đó. Trường hợp tiêu chuẩn hoặc giá trị đó cao hơn quy định này thì áp dụng định mức hỗ trợ theo quy định này. Riêng các dự án, công trình không có quy định trong định mức này thì áp dụng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không vượt mức trần hỗ trợ tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ đối với từng hạng mục hoặc công trình.

2. Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân với tỷ lệ hỗ trợ cụ thể theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ nhỏ hơn mức hỗ trợ tối đa và nhỏ hơn mức

vốn kế hoạch cân đối hỗ trợ cho dự án thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ đó. Trường hợp tổng mức đầu tư công trình hoặc hạng mục công trình nhận hỗ trợ nhân với tỷ lệ hỗ trợ cụ thể lớn hơn mức hỗ trợ tối đa và lớn hơn mức vốn kế hoạch cân đối hỗ trợ cho dự án thì doanh nghiệp được nhận hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ được cân đối trong kế hoạch vốn hỗ trợ cho dự án đó.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2020; thay thế Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, NNTN (BD60).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

